| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN LÃO**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Trọng Đạt

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 829/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng ngày 20-06-2004. Sau khi kết hôn, anh và chị L chung sống tại thôn Ly Câu, xã Tân Viên. Thời gian gần đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do cợ chồng tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, không thông cảm và chia sẻ cho nhau. Do đó, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt, không thể chấp nhận được nữa. Gần 01 năm nay, vợ chồng sống ly thân, không ai

quan tâm ai. Trước đây, anh đã làm đơn xin ly hôn chị L. Sau đó, anh rút đơn khởi kiện để xem vợ chồng có hàn gắn được không nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị L. Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 28-5-2005 và Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 22-02-2011. Cháu N đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh nhận nuôi cháu Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị L trình bày:* Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và về con chung, chị L trình bày như nội dung anh Đ đã nêu trên. Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần đánh đập, chửi nhau. Anh Đ đi làm công ty có nảy sinh tình cảm với người khác về ruồng rẫy vợ con nhưng mẹ con chị vẫn mở rộng cửa chào đón anh Đ về. Hơn 01 năm nay, chị và anh Đ sống ly thân. Bản thân chị vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên, anh Đ cương quyết ly hôn thì Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, chị không kiện cáo gì. Về con chung, chị đồng ý giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, Cháu N đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện:* Những năm gần đây, tình trạng hôn nhân của chị L và anh Đ không còn hoàn thuận, hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, căng thẳng. Các đoàn thể tại địa phương cũng đã hòa giải cho anh Đ và chị L nhưng không có kết quả. Năm 2023, anh Đ đã có đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn chị L nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Khoảng 01 năm nay, anh Đ và chị L sống ly thân, mỗi người một nơi. Anh Đ và chị L có 02 con chung như anh, chị trình bày. Cháu Đ có nguyện vọng ở với anh Đ. Cả anh Đ và chị L đều có điều kiện đảm bảo việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị L; Cháu N đã trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên không giải quyết; giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là chị Nguyễn Thị L, cư trú tại Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Nguyễn Văn Đ và chị L tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên năm 2004, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 20-6-2004 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Những năm gần đây, cuộc sống chung của chị L và anh Đ không còn hoàn thuận, hạnh phúc, luôn căng thẳng, thường cãi vã nhau. Mặc dù đã được các đoàn thể tại địa phương hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của anh Đ và chị L cũng không cải thiện được. Năm 2023, anh Đ đã có đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn chị L; sau đó, anh Đ rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án nhưng anh Đ và chị L vẫn không thể đoàn tụ và đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, mỗi người một nơi. Như vậy, anh Đ đã không còn tình cảm với chị L; hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 2005 và Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 22-02-2011. Cháu N đã thành niên, đang làm công nhân nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu Đ, yêu cầu, quan điểm và điều kiện nuôi con của đương sự, Hội đồng xét xử cần giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Đ và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 , Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007415 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Tân Viên, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Trọng Đạt**